TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **81**/2025/QĐST - HNGĐ	

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2025/TLST - HNGĐ, ngày 24/10/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Ông Tạ Đức H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Th và bị đơn ông Tạ Đức H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 05/4/1999 tại UBND thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang – Nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Tạ Duy A, sinh ngày 28/7/2008 cho bà Bùi Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tạ Đức H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Tạ Duy A và có quyền, nghĩa vụ

đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với con chung là Tạ Duy L, sinh ngày 15/9/2000 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Th và bị đơn ông Tạ Đức H mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Bùi Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000999, ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho bà Bùi Thị Th số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Bị đơn ông Tạ Đức H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Hữu San